TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2025/HSST Ngày 24/9/2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
+ Ông Phạm Văn Khuyến – Chức vụ: Nguyên Hiệu trưởng Trường Tiểu học Long Phú, đã nghỉ hưu
+ Bà Nguyễn Thị Uyên - Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Tiểu học Long Tân.
- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Thuỳ Duyên -Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/HSST-QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Lê Xuân Th**, sinh năm 1998 tại Bình Phước (nay là Đồng Nai), tên gọi khác: Hổ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 1, xã L, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Tụ do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân S, sinh năm 1970 (đã chết) và bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 08/3/2023, bị Công an huyện Phú Riềng xử phạt vi phạm hành chính vì có hành vi gây thương tích cho người khác vào ngày 12/8/2022 (Bị can đã chấp hành xong Quyết định trên);

Bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2024 đến ngày 30/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

2. **Bùi Phương Thảo L**, sinh năm 2004 tại Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); tên gọi khác: Không có; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công H, sinh năm 1973 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh

năm 1986; bị cáo chưa có chồng con, bị cáo có 02 người em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/8/2024 cho đến nay.

Các bị cáo cáo mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/8/2007; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M, thành phố Cần Thơ)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp t, xã t, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M, thành phố Cần Thơ).

2/ Bà Phạm Ngọc Thúy L, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 2, thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Ông Đặng Văn M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

**** Người làm chứng:***

1/ Ông Lâm Văn S, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã O, tỉnh Đồng Nai).

2/ Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 1, Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

3/ Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

4/ Ông Lê Hữu Ph, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là 1, xã L, tỉnh Đồng Nai);

5/ Ông Lê Văn K, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

6/ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: 1, tổ 2, ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

07/ Bà Phạm Thị Yến Nh, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày: 01/8/2007 có quen biết từ trước với Bùi Phương Thảo L nên ngày 26/10/2022, Tr cùng với chị gái là Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm: 1998 đến khu vực xã Bù Nho, huyện Phú Riềng để tìm việc làm và thuê nhà nghỉ "Út Mười" để ngủ lại. Do Tr có quen biết L nên nhờ L giới thiệu việc làm tại huyện Phú Riềng. L biết Tr còn nhỏ tuổi (dưới 16 tuổi) nên bàn với Tr là nếu có người hỏi thì Tr khai sinh năm 2003. Sau đó, L liên lạc với Lê Xuân Th để nhờ tìm việc làm cho Th và Tr tại các quán Karaoke trên địa bàn thì Th đồng ý. Th muốn nói chuyện trực tiếp với Tr và Th thì L hẹn đến nhà nghỉ "Út mười". Lúc này, L nảy sinh ý định kiếm tiền từ việc đưa hai người này đi xin việc làm nên bàn với Tr và Th, khi gặp người đưa đi xin việc thì nói nợ chị

15.000.000 đồng và nói mượn tiền để gửi về gia đình ở dưới quê thì cả hai đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Th chạy xe mô tô đến nhà nghỉ "Út Mười" tại xã Bù Nho gặp Th, Tr và L. Th hỏi thì Th và Tr nói đang nợ L 15.000.000 đồng và cả hai đủ 18 tuổi. Th đồng ý và dùng xe mô tô chở Tr và Th đến quán cà phê "Trúc Xanh" tại xã Phú Riềng, rồi Th gọi điện cho Đặng Văn M, sinh năm 1991 là chủ quán Karaoke "9999" nói có hai nhân viên đang cần xin việc, có nhận không, ông M nói việc tuyển nhân viên đã giao cho Nguyễn Ngọc Thúy L, sinh năm 2001 là quản lý của quán. Ông M chở L đến gặp Th, Th và Tr (BL 161). Trong khi nói chuyện L hỏi Th và Tr có nợ nần ai không, đủ tuổi chưa đồng thời nói không nhận người qua môi giới, dưới 18 tuổi và không có căn cước công dân. Tr và Th đều nói có nợ L số tiền 15.000.000 đồng mượn gửi về quê cho gia đình, đủ 18 tuổi, có căn cước công dân. L nói cả hai muốn làm thì nói Th chở qua quán Karaoke 9999, Lcho mượn tiền để trả nợ rồi đi về. Sau khi L đi Th xin Th và Tr số tiền 5.000.000 đồng. Đang cần việc làm nên Tr và Th đồng ý. Sau đó, Th chở Tr và Th đến gặp L. Tại đây, L tiếp tục hỏi Tr và Th có bị môi giới không, thì cả hai đều khẳng định không bị môi giới và đã đủ tuổi, đồng thời hỏi mượn L số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ cho L thì L đồng ý. L hỏi đưa tiền cho ai thì Tr nói chuyển trả cho L. Lúc này, Th đưa số tài khoản của L cho L chuyển số tiền 10.000.000 đồng cho L, còn số tiền 10.000.000 đồng Th yêu cầu trả tiền mặt nhưng L nói "không đủ, tí rút đưa sau" thì Th đồng ý và bỏ đi. L đưa Tr và Th xuống phòng nghỉ ngơi và yêu cầu Tr và Th bổ sung căn cước công dân để đăng ký tạm trú và làm hợp đồng lao động. Khoảng 30 phút sau thì Th nhờ L thuê cho 01 chiếc taxi nói đi Đồng Xoài lấy căn cước công dân thì L đồng ý gọi cho cả hai taxi đi. Sau khi đi thì cả hai về lại quán. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Th cùng với 04 người bạn đến quán karaoke 9999 hát đồng thời yêu cầu Tr và Th lên rót bia cho cả nhóm. Sau khi hát xong, Th xuống quầy yêu cầu L trả số tiền 10.000.000 đồng và trừ đi số tiền hát, tiền bo thì số tiền còn lại L trả cho Th là 8.200.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ ngày 27/10/2022, L đến gặp Th và Tr yêu cầu đưa giấy tờ để làm hợp đồng lao động, lúc đó Tr nói thật, Tr sinh năm 2007 nên L không đồng ý nhận hai người này vào làm việc đồng thời yêu câu Tr phải liên hệ với Th để trả lại số tiền 20.000.000 đồng (BL 245, 246). Sau đó, ông M gọi điện thoại cho Th yêu cầu lấy lại người và trả tiền vì những người này không có giấy tờ và chưa đủ tuổi. Th yêu cầu L đưa tiền lại để Th trả cho quán nhưng L nói đã chuyển cho người khác hết tiền rồi. Đến khoảng 19 giờ 00 ngày 28/10/2022, Thư rủ Lâm Văn S, sinh năm: 1995, đi TP. Đồng Xoài chơi thì S đồng ý và chạy xe mô tô đến quán quán karaoke "9999". Th thuê xe ô tô biển số 93A- 117.48 của Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1993 đến quán karaoke "9999" để chở Th, S, Th và Tr đi TP. Đồng Xoài. Do chưa có tiền trả cho L nên Th để cho L giữ 02 chiếc xe mô tô biển số: 93P2-376.49 và 61F-542.63 làm tin. Trên đường đi, Th nói cho Th và Tr biết là đi Bình Dương để xin việc. Khi đến TP. Đồng Xoài, Th và Tr nói Th ghé khách sạn "Hùng Oanh" tại phường Tân Phú để lấy đồ dùng cá nhân. Khi đến quán, Th chỉ cho Tr đi vào khách sạn, còn Th yêu cầu Đ chạy xe đến quán Karaoke "Blue" ở gần đó. Do nghi ngờ mình bị Th lừa

mang đi bán nên Tr nhờ nhân viên khách sạn báo cho Công an phường Tân Phú biết. Khi lực lượng Công an đến thì Th bỏ trốn. Sau đó, Th điện thoại cho L dặn xóa hết tin nhắn, coi như không quen biết với Th và yêu cầu L đưa lại số tiền 10.000.000 đồng để trả lại quán 9999. Đến ngày 28/10/2022 Th đến gặp L lấy số tiền trên rồi bỏ trốn và tiêu xài cá nhân hết (BL 157-160).

- *Vật chứng, đồ vật thu giữ trong vụ án:*

Ngày 29/10/2022, Phạm Ngọc Thúy L giao nộp 01 xe mô tô biển kiểm soát 93P2-376.49 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 61F1-542.63.

Ngày 30/10/2022, bà L giao nộp 01 USB chứa nội dung quay lại việc Tr thừa nhận chưa đủ 18 tuổi và ngày 16/12/2022 chứa nội dung việc Tr và Th nói chuyện với Th.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKSPR ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai) đã truy tố:

- Các bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo điểm a khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo, sau khi phân tích tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo điểm a khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự;

- Về áp dụng pháp luật:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 54 và 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Xuân Th mức hình phạt 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 151; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 54 và 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Bùi Phương Thảo L mức hình phạt 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị hội đồng xét xử tuyên:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93P2-376.49 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 61F1-542.63 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Lâm Văn S và ông Lê Hữu Ph và những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can nên ngày 20/8/2024 Cơ quan điều tra ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với 02 USB mà bà L giao nộp, Cơ quan điều tra đính kèm hồ sơ vụ án phục vụ quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên không đề nghị xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Th và L đã bồi thường cho bị hại Tr số tiền 5.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Bà L yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng, các bị cáo chưa hoàn trả.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Phú Riềng (nay là Công an tỉnh Đồng Nai), Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai) đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 26/10/2022, Bùi Phương Thảo L và Lê Xuân Th bàn bạc, thống nhất với nhau đưa Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/8/2007 đến quán Karaoke có bảng hiệu là "9999" tại thôn Phú Hưng, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước để bán cho quán lấy số tiền 20.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Các bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị hại để thực hiện hành vi giao người để nhận tiền đã phạm vào tội "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 151 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai) và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh theo điều khoản tương ứng như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả mà hành vi của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và quyền tự do của con người, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường của bị hại là các trẻ em gái dưới 16 tuổi, là đối tượng yếu thế được pháp luật ưu tiên bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Trong quá trình thực

hiện tội phạm, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức rõ và làm chủ được hành vi nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi giao người để nhận tiền vì mục đích tư lợi, xem các bị hại như món hàng để trao đổi, mua bán nhằm mục đích thu lợi bất chính, thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L cùng tham gia bàn bạc, thống nhất với nhau đưa bị hại vào quán Karaoke để nhận tiền nên đồng phạm với nhau và vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Xuân Thương có nhân thân xấu.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Lê Xuân Th: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bị hại Trang, được bị hại Tr xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo.

- Bị cáo Bùi Phương Thảo L: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Tr và được bị hại bãi nại; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo.

[7] Xét thấy các bị cáo có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[8] Bị cáo Tr không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Ngọc Thuý L yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên toà bị cáo Lê Xuân Th tự nguyện trả nên được ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93P2-376.49 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 61F1-542.63 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Lâm Văn S và ông Lê Hữu Ph và những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can nên ngày 20/8/2024 Cơ quan điều tra ban hành Quyết

định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không đề cập xử lý.

Đối với 02 USB mà bà L giao nộp, Cơ quan điều tra đình kèm hồ sơ vụ án phục vụ quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên không đề nghị xử lý.

[11] Ngoài ra, xét đối với:

Hành vi chuyển giao người và nhận tiền của Th và L đối với Nguyễn Thị Bé Th, quá trình điều tra xác định vào ngày 26/10/2022, Th trên 18 tuổi, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hơn nữa Th và L không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác. Do đó, hành vi của Th và L không đủ yếu cấu thành tội mua bán người, theo quy định tại Điều 150 BLHS nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên không xem xét.

Đối với Phạm Thị Thúy L, quá trình điều tra xác định trước khi nhận Tr và Th vào làm tại quán, L nói rõ với hai người này không nhận người qua môi giới, không đủ 18 tuổi và không có căn cước công dân. Khi phát hiện Tr không đủ 18 tuổi thì L kiên quyết không nhận vào làm việc đồng thời yêu cầu Th đến trả tiền và nhận lại người. Do đó, Cơ quan điều tra xác định hành vi trên của L không đủ yếu tố cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi, không đề cập xử lý nên không xem xét.

Đối với Lâm Văn S là người đi cùng Th đến quán Karaoke 9999 và đi cùng xuống thành phố Đồng Xoài. Qua điều tra xác định S không biết về hành vi phạm tội của Th nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên không xem xét.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[13] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Xuân Th phải chịu 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L phạm tội "Mua bán người dưới 16 tuổi".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 151; điểm các b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 54, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân Th** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 02/11/2024 đến ngày 30/5/2025.

- Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 151; điểm các b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 54, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Phương Thảo L** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Xuân Th có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thuý L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. ***Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*** Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Xuân Th, Bùi Phương Thảo L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Xuân Th phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CQĐT, PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Tổ HCTP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tấn Trường